

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Số: 11/2021/KPF/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2020 riêng (Đã được kiểm toán)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

A. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
2. Mã chứng khoán: KPF
3. Mã số thuế: 0103930374
4. Địa chỉ trụ sở chính: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
5. Điện thoại: 0934981818

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

1. Loại thông tin công bố ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu
2. Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính năm 2020 riêng (Đã được kiểm toán) của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh vào ngày 18/3/2021 tại đường link Website của Công ty: <http://www.kpf.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Tổng Giám đốc

Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 10 năm 2020.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST .,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Đinh Kim Nhung	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Lê Thị Mộng Đào	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Trần Thị Dịu Hòa	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lâm Thị Mỹ Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Tái bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Ưng Tông	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Lê Đình Minh Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Trần Thị Lý	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Lê Thị Mộng Đào	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Kim Nhung Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

Số : 138/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh*

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh được lập ngày 16 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 138/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh được lập ngày 16 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 0739-2018-133-1

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Khánh Vân
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Kiểm toán : 0371-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

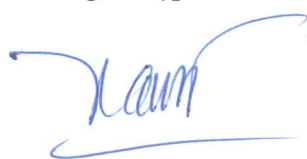
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		73.354.306.048	64.158.369.235
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.497.486.608	1.145.943.803
111	1. Tiền		2.497.486.608	1.145.943.803
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		70.504.670.447	61.781.783.241
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.200.000.000	3.526.257.487
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3.036.037.386	2.961.035.386
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	60.561.337.286	41.525.337.286
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.707.295.775	13.769.153.082
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		352.148.993	1.230.642.191
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.a	-	172.307.520
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		352.148.993	960.732.408
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	97.602.263
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		159.633.659.889	141.840.583.763
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	191.538.272
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	191.538.272
220	II. Tài sản cố định		127.681.394	137.151.639
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	70.192.503	137.151.639
222	- Nguyên giá		253.236.364	253.236.364
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(183.043.861)	(116.084.725)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	57.488.891	-
228	- Nguyên giá		65.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.511.109)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	-	1.896.034.581
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.896.034.581
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	11	159.500.000.000	139.500.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		139.500.000.000	139.500.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.978.495	115.859.271
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12.b	5.978.495	115.859.271
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		232.987.965.937	205.998.952.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		5.412.893.872	6.016.132.861
310	I. Nợ ngắn hạn		5.412.893.872	6.016.132.861
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.516.750.278	4.536.089.734
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	694.741.653	51.218.127
314	4. Phải trả người lao động		201.401.941	428.825.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	-	1.000.000.000
330	II. Nợ dài hạn		-	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		227.575.072.065	199.982.820.137
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	227.575.072.065	199.982.820.137
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		180.178.960.000	180.178.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		180.178.960.000	180.178.960.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(30.000.000)	(30.000.000)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.426.112.065	19.833.860.137
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		19.833.860.137	2.097.809.611
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		27.592.251.928	17.736.050.526
422	4. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		232.987.965.937	205.998.952.998

Người lập biểu



Phan Vũ Thanh

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	7.000.000.000	301.785.675.557
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		7.000.000.000	301.785.675.557
11	4. Giá vốn hàng bán	18	1.896.034.581	300.088.324.136
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		5.103.965.419	1.697.351.421
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	27.768.328.294	31.977.550.184
22	7. Chi phí tài chính	20	50.000.000	273.684.211
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	273.684.211
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.457.168.793	14.523.771.657
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		28.365.124.920	18.877.445.737
31	11. Thu nhập khác	22	-	465.479.356
32	12. Chi phí khác	23	588.181	211.935.429
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(588.181)	253.543.927
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		28.364.536.739	19.130.989.664
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	772.284.811	1.394.939.138
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		27.592.251.928	17.736.050.526

Người lập biểu



Phan Vũ Thanh

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

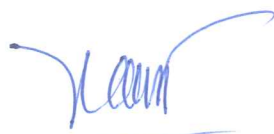
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Phương pháp gián tiếp
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	28.364.536.739	19.130.989.664
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(27.693.858.049)	(31.256.058.593)
02	- Khấu hao tài sản cố định	74.470.245	375.311.448
03	- Các khoản dự phòng	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(27.768.328.294)	(31.905.054.252)
06	- Chi phí lãi vay	-	273.684.211
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	670.678.690	(12.125.068.929)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	3.872.706.498	71.068.772.227
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	13.380.040.508
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(1.375.523.800)	(49.644.062.485)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	282.188.296	4.815.620
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	(273.684.211)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(2.273.876.659)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.450.049.684	20.136.936.071
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(65.000.000)	(51.708.839)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(56.995.000.000)	(63.155.551.248)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	37.959.000.000	21.360.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(20.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	37.002.493.121	18.614.840.290
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.098.506.879)	(23.232.419.797)

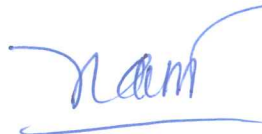
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Tiếp theo)
Năm 2020

		Đơn vị tính: VND	
Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	71.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(71.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(8.578.960.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(8.578.960.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.351.542.805	(11.674.443.726)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.145.943.803	12.820.387.529
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.497.486.608	1.145.943.803

Người lập biểu


Phan Vũ Thanh

Kế toán trưởng


Phan Vũ Thanh

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc




Đinh Kim Nhung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 10 năm 2020.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: 20-22-24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 180.178.960.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ một trăm bảy mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng ./.). Tương đương với 18.017.896 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Tư vấn, xây dựng, kinh doanh bất động sản và buôn bán hàng hóa.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ

đồng/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.716.119.665	8.482.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	781.366.943	1.137.461.112
	2.497.486.608	1.145.943.803

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Than Cảng Sài Gòn	-	1.861.618.687
Công ty CP Tập đoàn Tài chính Hoàng Minh	-	1.664.638.800
Công Ty CP TTC Deluxe Sài Gòn (*)	2.200.000.000	
	2.200.000.000	3.526.257.487

(*) Đây là khoản phải thu Công ty CP TTC Deluxe Sài Gòn về dịch vụ tư vấn Quản trị công ty và Chiến lược kinh doanh theo hợp đồng số 0604/2020/HĐDV/KPF-TTC ký ngày 06/04/2020.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CP SX và thương mại An Phú Hưng	1.068.551.984	1.068.551.984
Công ty CP tập đoàn Bắc Đô	1.145.586.402	1.145.586.402
Công ty CP Khoan Đa Dụng- Xử Lý Nước Nam Sơn Thắng	746.897.000	746.897.000
Các đối tượng khác	75.002.000	
	3.036.037.386	2.961.035.386

Đây là các khoản trả trước cho các nhà thầu xây dựng nhưng đến 31/12/2020 các công trình chưa được quyết toán.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	3.566.337.286	-	41.525.337.286	-
Công ty TNHH A Type Machine	21.995.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TM DV VT Minh Vi	13.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH New World Capital	10.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Skymark	12.000.000.000	-	-	-
	60.561.337.286	-	41.525.337.286	-

Đây là các khoản cho vay tạm thời khi vốn nhân rồi. Thời gian cho vay: 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất cho vay là 5% đến 10%/ năm.

b. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con	3.566.337.286	41.525.337.286
		3.566.337.286	41.525.337.286

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn				
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn	4.707.295.775	-	13.769.153.082	-
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	1.900.534.069	-	13.290.213.962	-
Công ty TNHH A Type Machine	1.132.912.329	-	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Viễn Thông	553.835.616	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Skymart	429.041.094	-	-	-
Các đối tượng khác	690.972.667	-	478.939.120	-
	4.707.295.775	-	13.769.153.082	-

7. PHẢI THU KHÁC (tiếp)

b. Dài hạn

Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	191.538.272	-
	-	-	191.538.272	-

c. Số dư với các bên liên quan

		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con	1.900.534.069	13.290.213.962
		1.900.534.069	13.290.213.962

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.896.034.581
	-	1.896.034.581

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	205.936.364	-	47.300.000	253.236.364
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	205.936.364	-	47.300.000	253.236.364
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	93.547.773	-	22.536.952	116.084.725
Số tăng trong năm	51.192.468	-	15.766.668	66.959.136
- <i>Khấu hao trong năm</i>	51.192.468	-	15.766.668	66.959.136
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	144.740.241	-	38.303.620	183.043.861
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	112.388.591	-	24.763.048	137.151.639
Tại ngày cuối năm	61.196.123	-	8.996.380	70.192.503

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 40.040.000 VND

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	65.000.000	65.000.000
- Mua trong năm	65.000.000	65.000.000
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	65.000.000	65.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	7.511.109	7.511.109
- Khấu hao trong năm	7.511.109	7.511.109
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	7.511.109	7.511.109
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	57.488.891	57.488.891

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

20-22-24 Đồng Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào công ty con	139.500.000.000	139.500.000.000	-	139.500.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	139.500.000.000	139.500.000.000	-	139.500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	20.000.000.000	-	-	-	-
- Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam (VVIF2020) (2)	20.000.000.000 (*)	-	-	-	-

Đầu tư vào công ty con**Thông tin chi tiết về các công ty con của công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:**

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (1)	Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	93,00%	93,00%	- Xây dựng nhà các loại; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật - Hoàn thiện công trình xây dựng; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

(1) Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm hiện nay là Chủ đầu tư khu Prime Resort với diện tích 13ha tại Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)**Đầu tư vào Công ty liên kết:**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam (VVIF2020) (2)	Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	40,00%	40,00%	Đầu tư chứng khoán

(2) Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam là quỹ thành viên của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam đã được UBCK Nhà nước xác lập quỹ thành viên tại Thông báo số 455TT-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2020 với các thông tin sau:

- Vốn điều lệ Quỹ: 50 tỷ đồng
- Thời gian hoạt động của Quỹ: 05 năm từ ngày 31/12/2020
- Cơ cấu thành viên tham gia góp vốn Quỹ gồm (02) thành viên, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh góp 40% vốn.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Ngắn hạn

Chi phí thuê văn phòng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	-	172.307.520
	-	172.307.520

b. Dài hạn

- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ

	5.978.495	115.859.271
	5.978.495	115.859.271

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP đầu tư và xây dựng Mạnh Quân	2.813.178.000	2.813.178.000	3.213.178.000	3.213.178.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vina A1	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832
Các đối tượng khác	474.085.446	474.085.446	93.424.902	93.424.902
	4.516.750.278	4.516.750.278	4.536.089.734	4.536.089.734

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh	95.602.263	-	772.284.811	-	-	676.682.548
Thuế Thu nhập cá nhân	-	51.218.127	284.085.446	317.244.468	-	18.059.105
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.000.000	-	6.000.000	4.000.000	-	-
	97.602.263	51.218.127	1.062.370.257	321.244.468	-	694.741.653

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Phải trả khác ngắn hạn

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
-	1.000.000.000
-	1.000.000.000

b. Phải trả khác là các bên liên quan:

Bà Trần Thị Dịu Hòa

Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày
31/3/2020)

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
-	1.000.000.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	171.600.000.000	(30.000.000)	19.256.769.611	190.826.769.611
Tăng vốn trong năm trước	8.578.960.000			8.578.960.000
Lãi/ (lỗ) trong năm trước			17.736.050.526	17.736.050.526
Phân phối lợi nhuận			(17.158.960.000)	(17.158.960.000)
Số dư cuối năm trước	180.178.960.000	(30.000.000)	19.833.860.137	199.982.820.137
Số dư đầu năm nay	180.178.960.000	(30.000.000)	19.833.860.137	199.982.820.137
Lãi/ (lỗ) trong năm nay			27.592.251.928	27.592.251.928
Phân phối lợi nhuận				-
Số dư cuối năm nay	180.178.960.000	(30.000.000)	47.426.112.065	227.575.072.065

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
- Trần Thị Dịu Hòa	25.925.000.000	14%	25.925.000.000	14%
- Lê Anh Đức	22.050.000.000	12%	22.050.000.000	12%
- Nguyễn Hùng Cường	14.450.000.000	8%	14.450.000.000	8%
- Vũ Đức Toàn	33.075.000.000	18%	33.075.000.000	18%
- Đinh Kim Nhung	23.625.000.000	13%	23.625.000.000	13%
- Lê Thị Ngọc	19.670.000.000	11%	19.670.000.000	11%
- Các cổ đông khác	41.383.960.000	23%	41.383.960.000	23%
	180.178.960.000	100%	180.178.960.000	100%

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	180.178.960.000	171.600.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	8.578.960.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	180.178.960.000	180.178.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm:	-	17.158.960.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:	-	17.158.960.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng tiền:	-	8.578.960.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:	-	8.578.960.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	-	8.580.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:	-	8.580.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.017.896	18.017.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.017.896	18.017.896
- Cổ phiếu phổ thông	18.017.896	18.017.896
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.017.896	18.017.896
- Cổ phiếu phổ thông	18.017.896	18.017.896

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

e. Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	18.017.450.000	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	18.017.450.000	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

(*) Theo nghị quyết số 05/2020/KPF/NQ-HĐQT ngày 17/08/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 10:1. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm.

Theo thông báo số 03/2021/KFP/BC ngày 28/01/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 1.801.745 cổ phiếu.

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	7.000.000.000	301.785.675.557
	7.000.000.000	301.785.675.557

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ	1.896.034.581	300.088.324.136
	1.896.034.581	300.088.324.136

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	657.573	114.840.290
- Lãi cho vay	3.785.835.173	270.213.962
+ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	1.630.320.107	270.213.962
+ Khác	2.155.515.066	
- Lãi từ chuyển nhượng quyền góp vốn	-	5.500.000.000
- Chênh lệch tỷ giá		72.495.932
- Cổ tức từ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	23.981.835.548	13.020.000.000
- Thu lãi từ hợp tác đầu tư cổ phiếu	-	13.000.000.000
+ Cao Thị Thu Hằng		6.000.000.000
+ Nguyễn Tuấn Tú		7.000.000.000
	27.768.328.294	31.977.550.184

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay		273.684.211
- Chi phí tài chính khác	50.000.000	-
	50.000.000	273.684.211

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	2.172.508.071	5.621.638.760
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.470.245	375.311.448
- Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	109.880.776	245.304.958
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	103.480.961
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.976.366	7.365.316.933
- Chi phí khác bằng tiền	1.133.333.335	812.718.597
	4.457.168.793	14.523.771.657

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu thưởng bốc hàng sớm	-	465.379.356
- Thu nhập khác	-	100.000
	-	465.479.356

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Tiền phạt chậm nộp phạt thuế và truy thu theo BB kiểm tra Thuế 2017, 2018		211.365.994
- Chi phí khác	588.181	569.435
	588.181	211.935.429

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	28.364.536.739	19.130.989.664
Các khoản điều chỉnh tăng	1.133.618.891	981.490.985
- Chi phí không hợp lệ	1.133.618.891	981.490.985
Các khoản điều chỉnh giảm	(23.981.835.548)	(13.137.784.959)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(23.981.835.548)	(13.020.000.000)
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo BB thuế	-	(117.784.959)
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.516.320.082	6.974.695.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.103.264.016	1.394.939.138
Chi phí thuế TNDN được giảm (NĐ 114/2020/NĐ-CP)	(330.979.205)	
Chi phí thuế TNDN phát sinh từ hoạt động SXKD chính	772.284.811	
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(95.602.263)	783.335.258
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(2.273.876.659)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	676.682.548	(95.602.263)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.497.486.608		1.145.943.803	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.907.295.775	-	17.486.948.841	-
Các khoản cho vay	60.561.337.286		41.525.337.286	
	69.966.119.669	-	60.158.229.930	-

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán, phải trả khác

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
4.516.750.278	5.536.089.734
4.516.750.278	5.536.089.734

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.497.486.608			2.497.486.608
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.907.295.775	-		6.907.295.775
Các khoản cho vay	60.561.337.286	-		60.561.337.286
	69.966.119.669	-	-	69.966.119.669
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.145.943.803			1.145.943.803
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.295.410.569	191.538.272		17.486.948.841
Các khoản cho vay	41.525.337.286	-		41.525.337.286
	59.966.691.658	191.538.272	-	60.158.229.930

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.516.750.278	-		4.516.750.278
	4.516.750.278	-	-	4.516.750.278
Số đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.536.089.734	-		5.536.089.734
	5.536.089.734	-	-	5.536.089.734

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng, dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	7.000.000.000		-	7.000.000.000
Chi phí bộ phận	1.896.034.581		-	1.896.034.581
Kết quả kinh doanh bộ	5.103.965.419	-	-	5.103.965.419
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				4.457.168.793
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				646.796.626
Doanh thu hoạt động tài chính				27.768.328.294
Chi phí tài chính				50.000.000
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				588.181
Thuế TNDN hiện hành				772.284.811
Lợi nhuận sau thuế				27.592.251.928

28. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lê Anh Đức	Chủ tịch HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 31/3/2020)
Bà Trần Thị Diệu Hòa	Thành viên HĐQT đến ngày 31/03/2020
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con
Quỹ Đầu tư giá trị Việt Nam (VVIF2020)	Công ty liên kết.

28. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

b. Giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cho Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm Vay	-	45.410.000.000
- Thu hồi nợ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm Vay	37.959.000.000	3.884.662.714
- Dự thu lãi cho Công ty TNHH Đầu tư Cam lâm vay	1.630.320.107	270.213.962
- Cổ tức được hưởng từ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	23.981.835.548	13.020.000.000
- Thu tiền cổ tức từ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	37.001.835.548	-

Bà Trần Thị Diệu Hòa

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cho công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh mượn tạm thời	-	1.000.000.000
- Cho công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh vay/mượn tiền	-	4.400.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trả tiền mượn tạm thời	1.000.000.000	4.400.000.000
- Mua lại phần vốn KPF	-	25.925.000.000

Ông Lê Anh Đức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cho công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh vay/mượn tiền	-	6.400.000.000
- Thanh toán tiền vay/mượn	-	6.400.000.000
- Mua lại phần vốn KPF	-	22.050.000.000

Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam (VVIF2020)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Đầu tư góp vốn để thành lập Quỹ Đầu tư giá trị Việt Nam (VVIF2020) (Công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh chiếm 40% vốn điều lệ)	20.000.000.000	-

28. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

- Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT chỉ	1.890.998.803	1.621.699.497

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biểu



Phan Vũ Thanh

Kế toán trưởng



Phan Vũ Thanh

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

Đinh Kim Nhung